

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1278 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả
kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4976/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 326/TTr-STNMT ngày 24 tháng 3 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Vận tải thủy bộ và Thương mại Hương Xuân; địa chỉ: Số nhà 41 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh):

- $G = 65.000$ đồng/ m^3 đối với đá (đá cát kết, đá Bazan) làm VLXD thông thường;

- $G = 2.100.000$ đồng/ m^3 đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng địa chất của đá vôi làm VLXD thông thường được phê duyệt theo Quyết định số 4976/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh là: 749.789 m³;

- Q_2 là trữ lượng địa chất của đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát được phê duyệt theo Quyết định số 4976/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh là: 39.463 m³;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

+ $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

+ $R = 1\%$ (Đối với đá ốp lát gốc);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá vôi làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 4976/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh là:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (749.789 \text{ m}^3 \times 65.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4\%) = 1.754.506.260,0 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát được phê duyệt tại Quyết định số 4976/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 và của UBND tỉnh là :

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (39.463 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%) = 745.850.700,0 \text{ đồng};$$

Như vậy, $T = T_1 + T_2 = 1.754.506.260,0 \text{ đồng} + 745.850.700,0 \text{ đồng} = 2.500.356.960,0 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, năm trăm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi đồng);

g) Tổng số lần nộp: $N = X : 2 = 30 : 2 = 15$ lần;

h) Số tiền phải nộp hàng năm:

$$T_{\text{hn}} = T : 15 = 2.500.356.960,0 \text{ đồng} : 15 = 166.690.464,0 \text{ đồng};$$

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{\text{ld}} = T_{\text{hn}} = 166.690.464,0 \text{ đồng}$ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng);

j) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:

$$T_n = T_{\text{hn}} \times G_n; \text{ G; Trong đó:}$$

+ T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);

+ T_{hn} là tiền nộp hàng năm;

+ G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n ;

+ G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;

k) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Vận tải thủy bộ và Thương mại Hương Xuân. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty Cổ phần Vận tải thủy bộ và Thương mại Hương Xuân về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Vận tải thủy bộ và TM Hương Xuân có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Vĩnh Lộc và UBND xã Vĩnh Minh có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

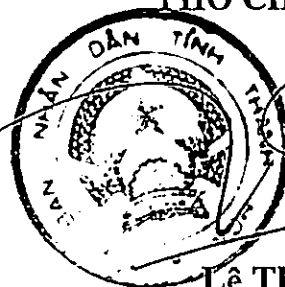
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải thủy bộ và Thương mại Hương Xuân; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
 - Lưu: VT, KTTC (HungYT).
- QDKP 16-044

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn